



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH

Ngày 30/06/2025	16,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.6%	2.4%	5.9%

DT thuần Q2/25
123
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.6 31.5%
YoY: ▼7.00 -5.5%

LN thuần Q2/25
-18.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.9 46.1%
YoY: ▼60.7 -144%

LN sau thuế Q2/25
-19.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.5 44.6%
YoY: ▼57.8 -150%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-6.5%
YoY: +/-▲ 19.2%

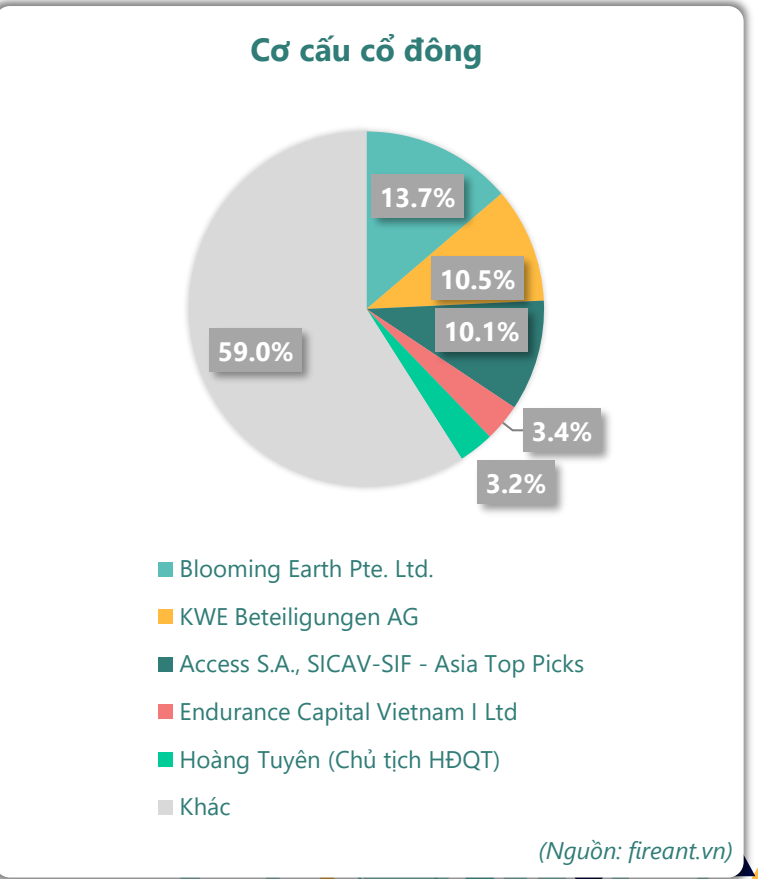
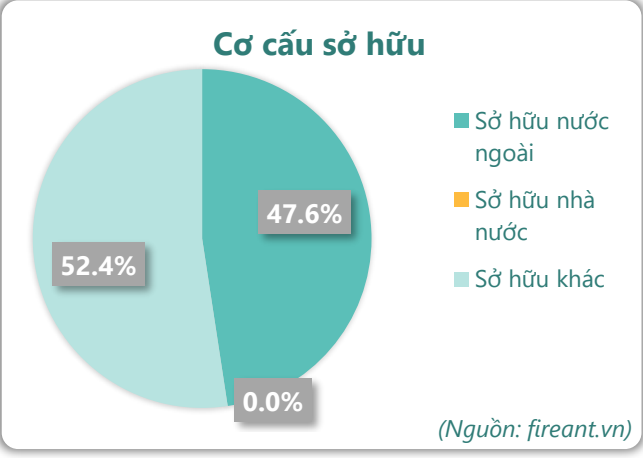
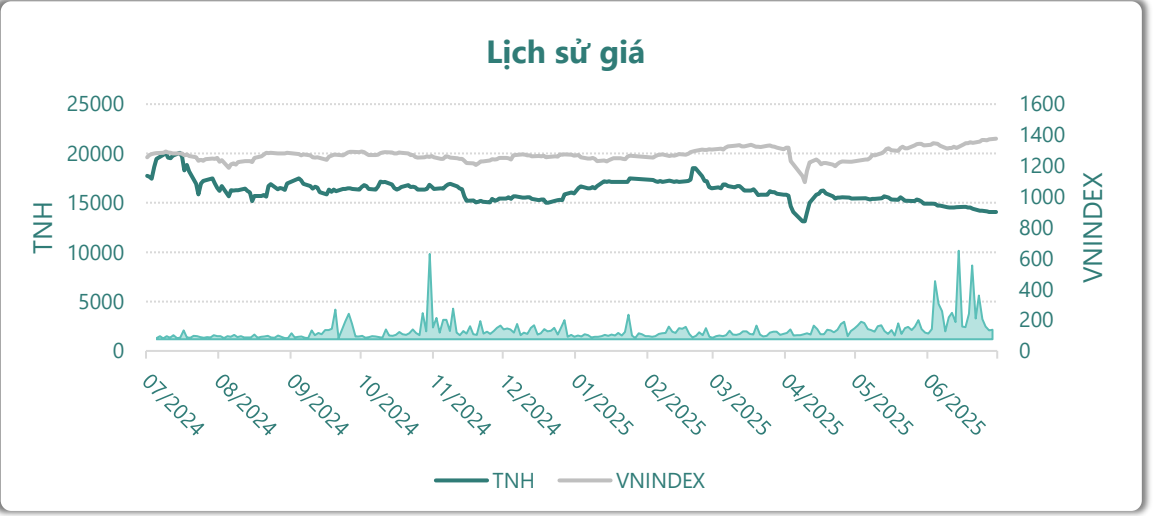
ROE (TTM) Q2/25
-3.3%
YoY: +/-▼ 3.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,130 - 20,098
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,335
Số lượng CPLH (CP)	144,133,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)	224,355
Sở hữu nước ngoài	47.6%
Beta	0.88
EPS	-405
P/E	-40.0

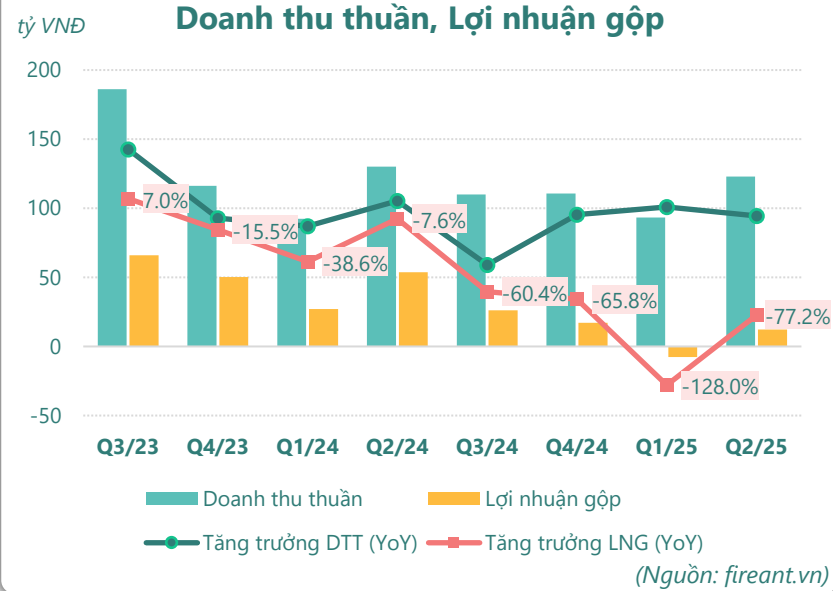
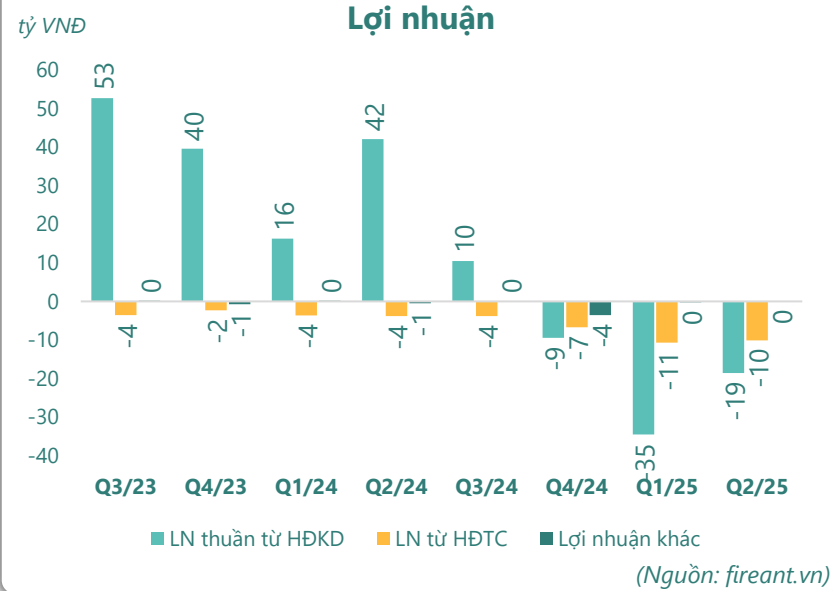
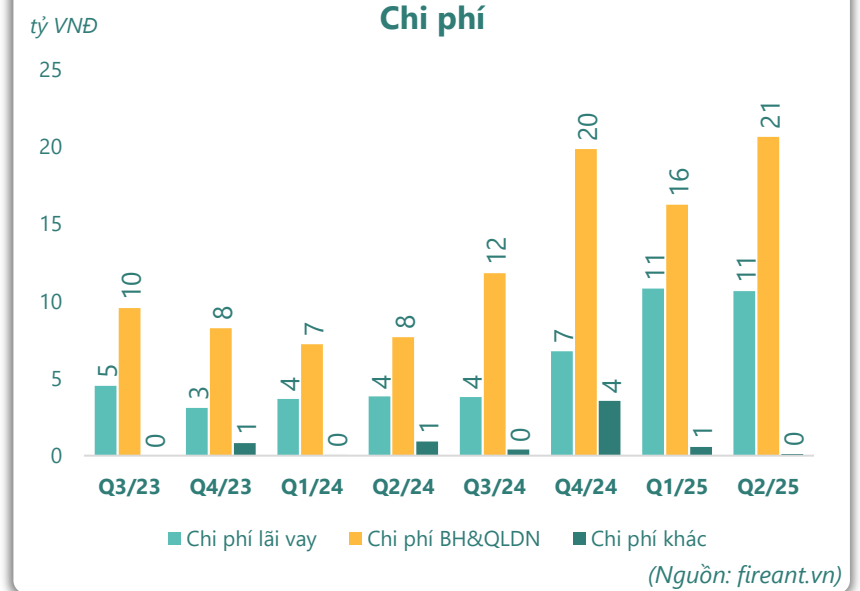
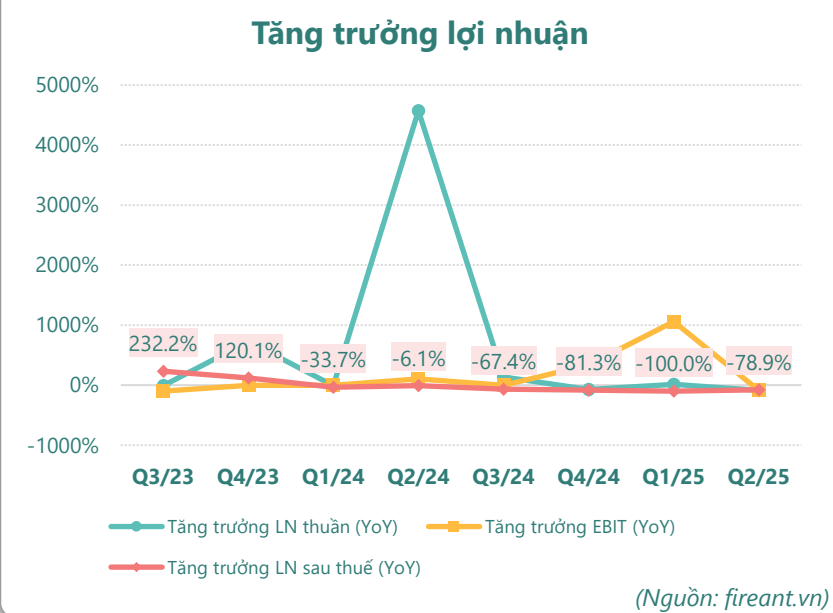
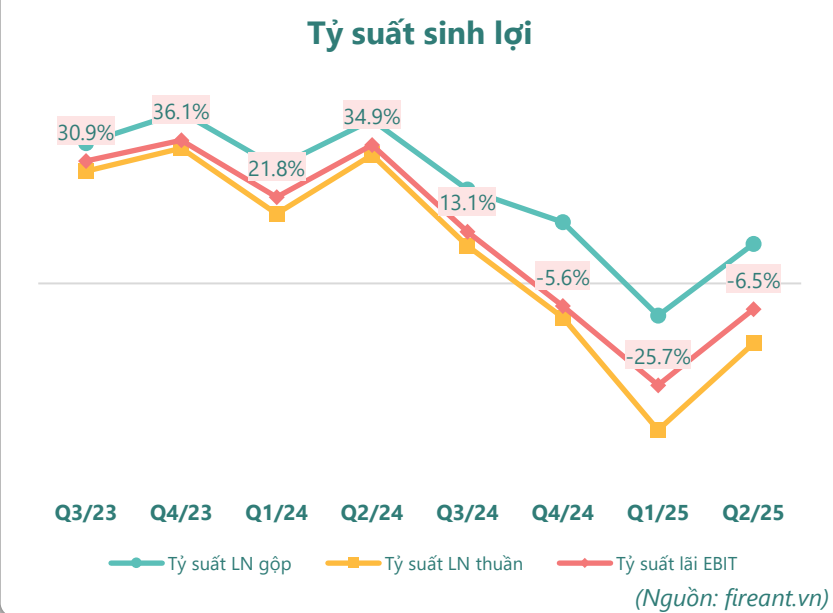
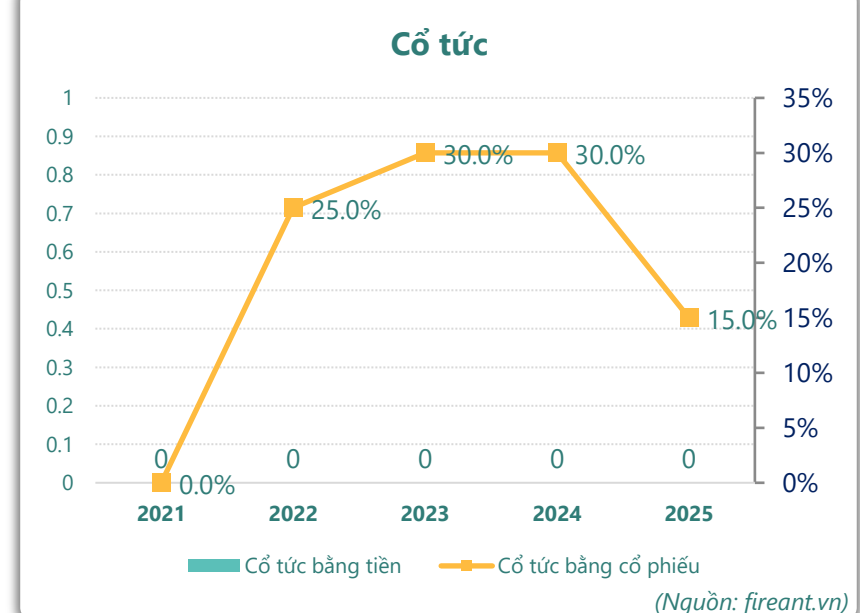
DT thuần 6T 2025
216
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.00 -2.8%

LN thuần 6T 2025
-53.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼111 -191%

LN sau thuế 6T 2025
-54.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼108 -201%



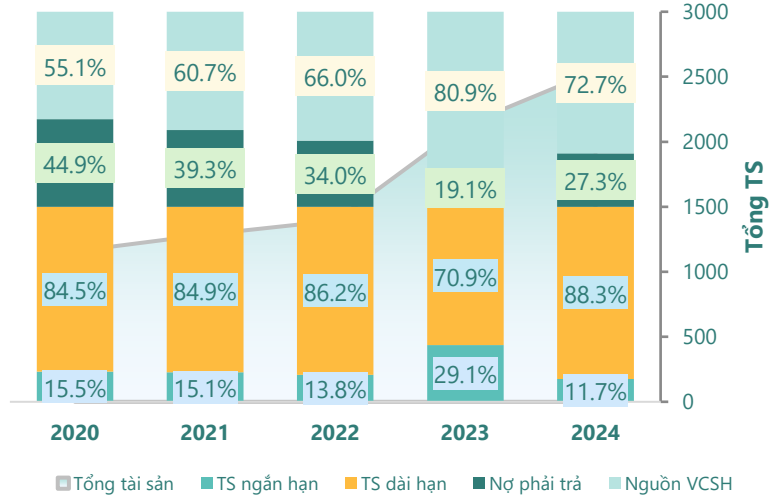
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

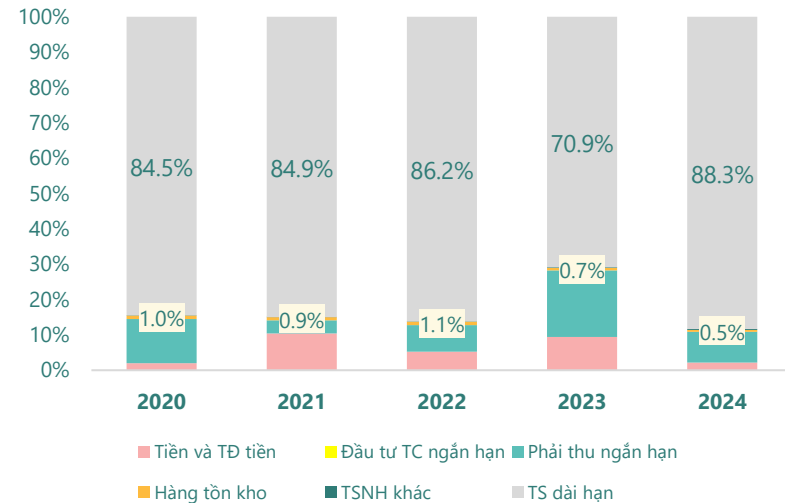
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

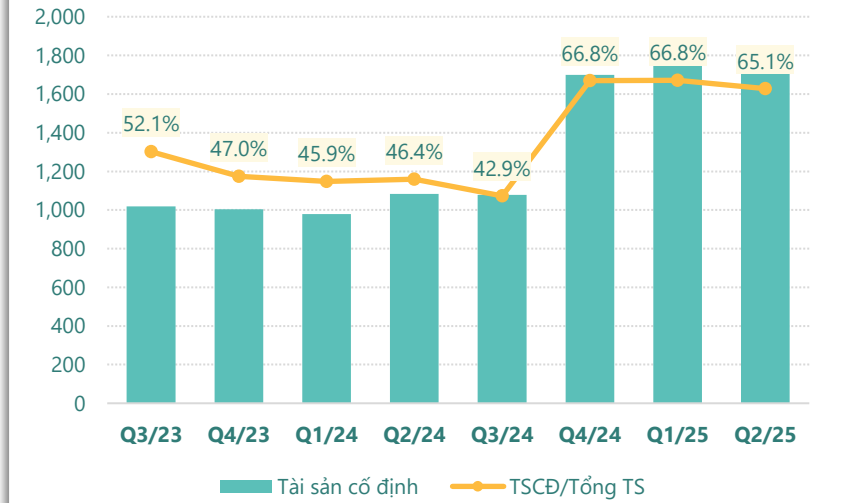
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

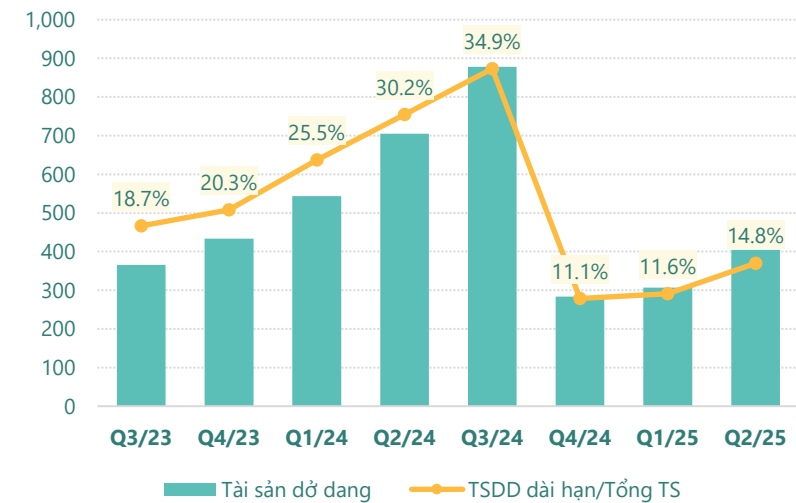
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

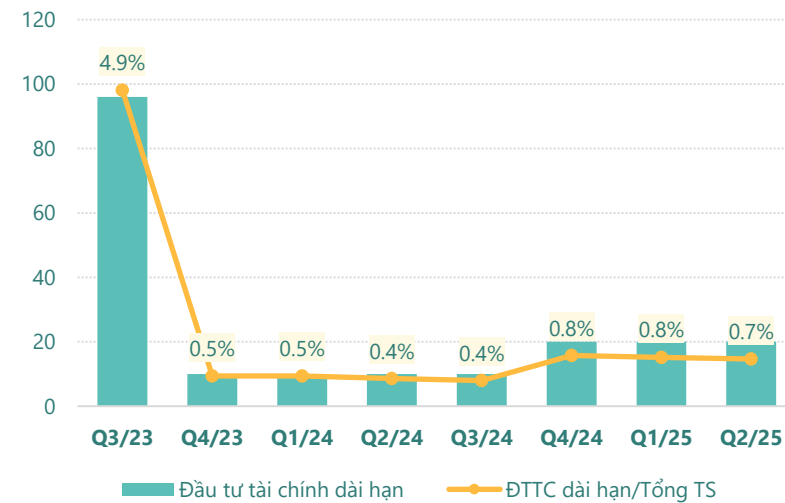
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

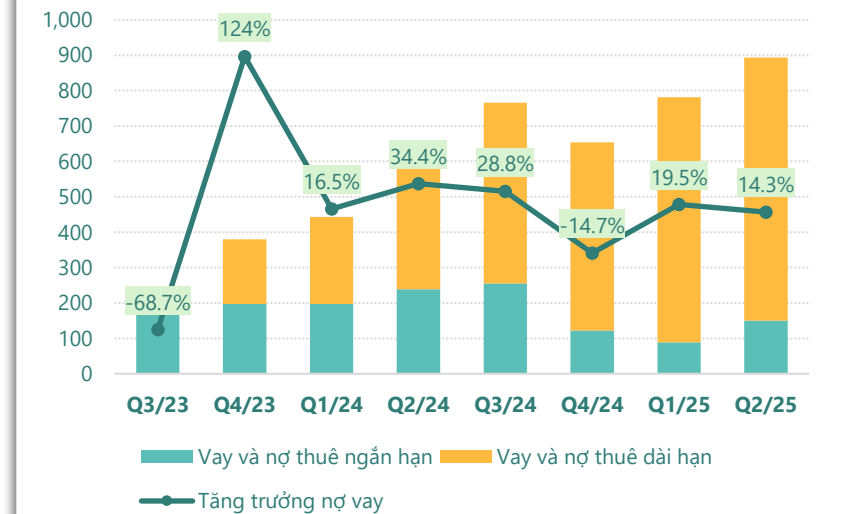
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

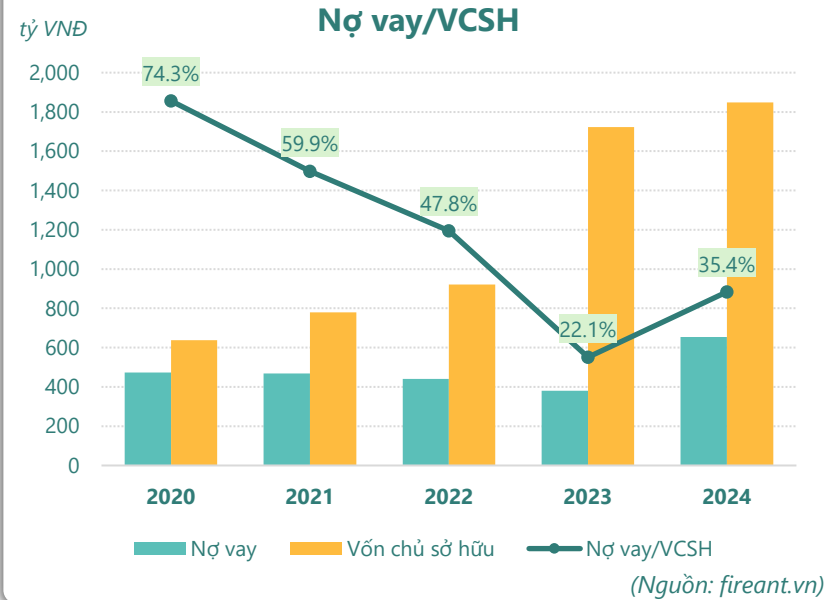
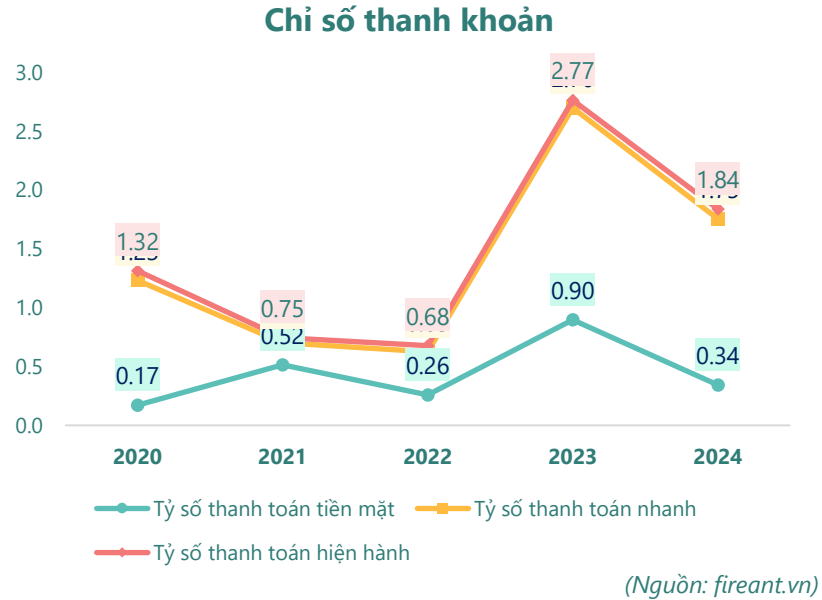
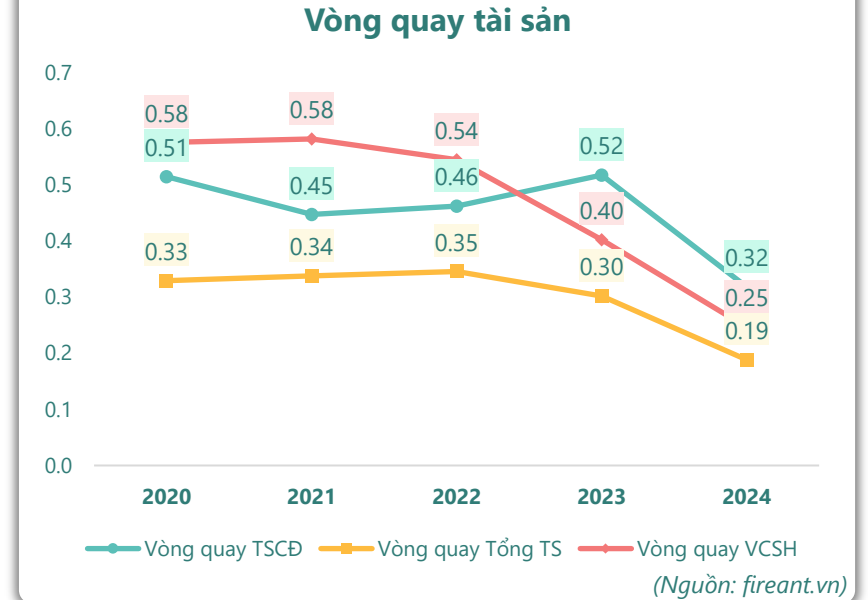
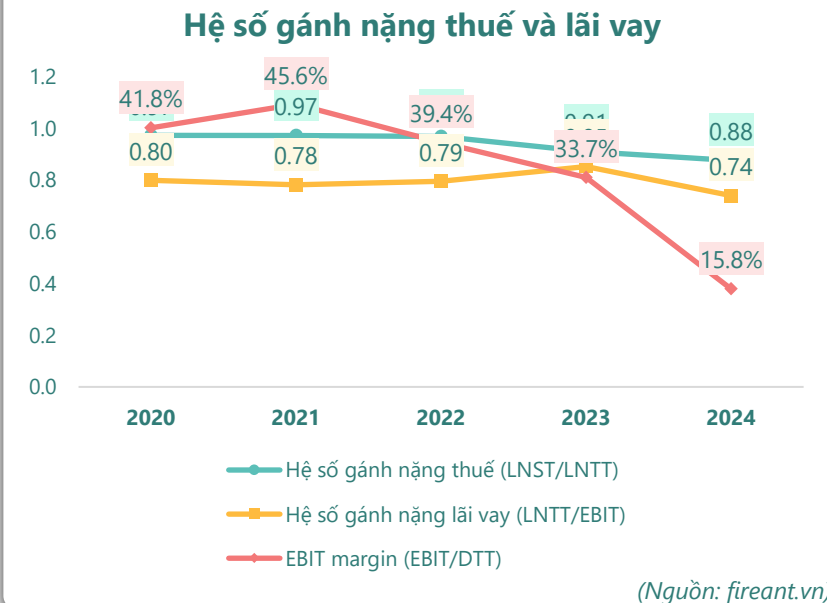
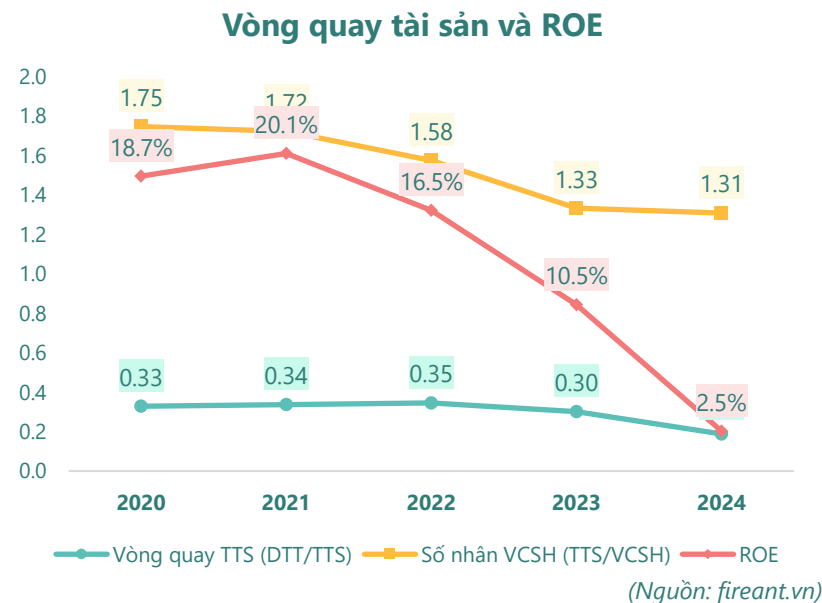
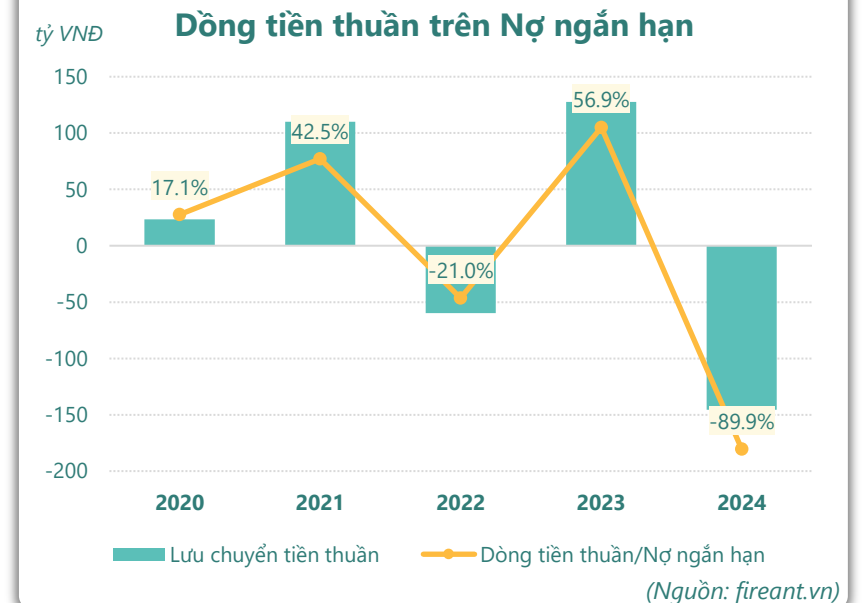
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	123	130	-5.5%	216	222	-2.8%
Giá vốn hàng bán	111	76.4	44.8%	212	142	49.3%
Lợi nhuận gộp	12.2	53.6	-77.2%	4.64	80.7	-94.3%
Doanh thu HĐTC	0.54	0.01	5324%	0.69	0.04	1668%
Chi phí TC	10.7	3.83	179%	21.5	7.50	187%
Chi phí lãi vay	10.7	3.83	179%	21.5	7.50	187%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.68	0.42	300%	2.87	1.07	167%
Chi phí QLDN	19.0	7.26	162%	34.1	13.8	146%
LN thuần từ HĐKD	-18.6	42.1	-144%	-53.1	58.3	-191%
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.51	89.6%	-0.32	-0.29	-8.6%
LN trước thuế	-18.6	41.6	-145%	-53.4	58.0	-192%
Lợi nhuận sau thuế	-19.3	38.5	-150%	-54.1	53.4	-201%
LNST của CĐ cty mẹ	-19.3	38.6	-150%	-54.1	53.5	-201%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.54	-81.8	18.3	123	-62.5	-10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-188	-131	-164	-154	-37.1	-142
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	62.8	152	171	39.7	127	111
Tiền đầu kỳ	201	81.7	21.5	47.3	55.6	83.3
Lưu chuyển tiền thuần	-120	-60.2	25.8	9.46	27.7	-40.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	81.7	21.5	47.3	56.8	83.3	42.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,735	2,544	7.5%
Tài sản ngắn hạn	346	298	16.2%
Tiền và tương đương tiền	42.4	55.6	-23.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	281	221	27.6%
Hàng tồn kho	14.5	13.9	4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.92	7.97	-0.6%
Tài sản dài hạn	2,389	2,246	6.4%
Phải thu dài hạn	96.0	96.0	0.0%
Tài sản cố định	1,781	1,760	1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	404	288	40.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	87.8	81.9	7.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	941	695	35.3%
Nợ ngắn hạn	198	162	22.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	151	121	24.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.1	24.1	8.3%
Nợ dài hạn	743	533	39.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	743	533	39.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,794	1,849	-3.0%
Vốn chủ sở hữu	1,794	1,849	-3.0%
Vốn điều lệ	1,442	1,442	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

